TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Số: **38**/2026/QĐST-HNGĐ *Vĩnh Long, ngày 19 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn". Giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ hiện nay: ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ hiện nay: ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 85, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Văn T1, sinh ngày 01/7/1993, chết ngày: 14/8/2016, theo giấy báo tử số 60/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 18/02/2020. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nguyễn Thị L, sinh ngày: 13/8/1991, đã trưởng thành nhưng bị Hội chứng D, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Khi ly hôn giao Nguyễn Thị L cho bà Nguyễn Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi Nguyễn Thị L chết. Cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của vợ chồng gồm:

Thửa đất 526: 1.904,3m^2 x 300.000 đồng = 571.290.000 đồng

Thửa đất 527: 2.318,1m^2 x 300.000 đồng = 695.430.00 đồng

Các công trình kiến trúc trên đất gồm:

Nhà chính diện tích 123,02m^2 giá trị 174.038.854 đồng

Nhà phụ (nhà bếp) diện tích 30,36m^2 giá trị 15.835.776 đồng

Nhà tiền chế diện tích 35,64m^2 giá trị 22.581.504 đồng

Nhà tiền chế diện tích 107,05m^2 giá trị 67.826.880 đồng.

Cống nước tròn di chuyển được 03 cống giá trị 3.825.657 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là: 1.550.828.671 đồng. Mỗi người được nhận phần tài sản chung có giá trị là 775.414.335 đồng.

Cụ thể chia:

Bà Nguyễn Thị Kim A được nhận phần đất (bao gồm cây trồng trên đất) thuộc thửa 526B diện tích 925,9m^2, thửa 527B diện tích 1.321,1m^2 và tài sản trên thửa đất 527B gồm nhà chính, nhà phụ, nhà tiền chế, hai thửa đất toạ lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

Ông Nguyễn Văn T được nhận phần đất (bao gồm cây trồng trên đất) thuộc thửa 526A diện tích 978,4m^2, thửa 527A diện tích 997,0m^2 và tải sản trên thửa đất 527A gồm nhà tiền chế, 03 cống nước tròn, hai thửa đất toạ lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 111.141.799 đồng (chênh lệch giá trị tài sản khi chia tài sản chung được nhận).

Ghi nhận các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về lối đi trong vụ án này.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên thống nhất sử dụng kết quả hiệp thương ranh đo đạc chính quy theo dự án VLAP của thửa đất đang yêu cầu phân chia với các chủ sử dụng đất liền kề làm cở sở giải quyết vụ án, không yêu cầu hiệp thương ranh lại và cam kết tự chịu trách nhiệm với các chủ sử dụng đất liền kề nếu có phát sinh tranh chấp.

(Các phần đất nêu trên được thể hiện trong hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất do Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng Đ – Vĩnh Long thực hiện đo vẽ kèm theo – là một phần của quyết định, không tách rời khỏi quyết định).

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim A để cấp mới cho các đương sự theo nội dung nêu trên. Trường hợp không thực hiện điều chỉnh được, kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi để cấp lại cho các bên theo diện tích đất đã tuyên.

Các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các nội dung nêu trên, đúng quy định của pháp luật đất đai.

2.3 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.4 Chi phí tố tụng: Số tiền 7.327.000 đồng, bà Kim A, ông T mỗi người phải chịu ½ chi phí này số tiền là 3.663.000 đồng

Bà Kim A đã nộp xong số tiền này nên ông T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Kim A số tiền 3.663.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5 Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn số tiền 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008543 ngày 14/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long) là đủ.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng ông Nguyễn Văn T phải chịu.

Án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu số tiền án phí là 17.508.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008542 ngày 14/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long), bà Kim A còn phải nộp tiếp số tiền 12.508.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền án phí là 17.508.000 đồng.

H lại cho bà Kim A số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011681 ngày 04/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Cơ quan ĐKKH;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Yến